

Bản án số: 25/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 24/5/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Linh
- Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Công H, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư số 8 P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Công H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện C (nay là phường P,

thành phố C) ngày 16/9/2008. Sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau tại phường P, thành phố C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên hay xảy ra cãi nhau. Bản thân anh H không thương vợ con, không chung thủy, vợ chồng ít chia sẻ, quan tâm đến nhau nên không có sự thấu hiểu, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, đời sống nặng nề. Đến năm 2011, chị đã về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư N, phường C sống nhưng anh H không tìm gặp chị, cũng không quan tâm đến con. Từ đó đến nay, chị và anh H sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Trần Phương B, sinh ngày 04/6/2009. Hiện nay cháu B sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh H. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Trần Công H. Tuy nhiên anh H không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

- Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh H xác định anh H và chị N có nhiều mâu thuẫn. Năm 2011, chị N đưa con về nhà mẹ đẻ sống. Anh H có đến tìm đón chị N về tiếp tục chung sống nhưng chị N không đồng ý. Sau đó chị N đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Hết hạn 3 năm thì chị N về nước, thỉnh thoảng vẫn qua lại thăm bà nhưng 1 năm trở lại đây thì chị không qua lại gia đình bà nữa.

- Trưởng khu dân cư số 8 P, phường P và Trưởng khu dân cư N, phường C đều xác định không nắm được nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của anh H và chị N nhưng từ năm 2011, chị N đã cùng con sinh sống tại nhà mẹ đẻ, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện mẹ đẻ chị N đã mất, còn anh H cũng ít khi có mặt tại địa phương vì đi làm xa.

- Tại Công văn số 3014/QLXNC-P5 ngày 17/02/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo dữ liệu của Cục quản lý nhập cảnh quản lý: không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Trần Công H, sinh năm 1987, khai hộ khẩu thường trú tại: khu dân cư số 8 P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Phương B, sinh ngày 04/6/2009 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

- Án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung với anh Trần Công H có địa chỉ thường trú tại phường P, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Công H kết hôn ngày 16/9/2008 tại UBND thị trấn P, huyện C (nay là phường P, thành phố C), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh H đi làm xa nhà nên ít dành thời gian cho gia đình. Năm 2011, chị N đã cùng con về nhà mẹ đẻ

sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh H. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trần Phương B, sinh ngày 04/6/2009. Hiện cháu B đang ở cùng chị N và có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu B ở với chị N từ nhỏ, được đảm bảo đầy đủ về cuộc sống và học tập, trong khi anh H đi làm xa, ít ở nhà nên việc giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Đây là sự tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Công H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Phương B, sinh ngày 04/6/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đồi trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003228 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị N đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường P, TP C (số 118/2008);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà